

THE DRUG INFORMATION NEEDS IN VIETNAM UNIVERSITY OF TRADITIONAL MEDICINE AND TUE TINH HOSPITAL

Bui Thi Hao^{1*}, Dang Dinh Cuong²

¹Vietnam university of traditional Medicine, ²Tue Tinh Hospital

ARTICLE INFO	ABSTRACT
Received: 01/4/2024 Revised: 20/6/2024 Published: 25/6/2024	Using the interview method by the designed questionnaires to determine the drug information needs of students and lecturers at the Vietnam university of Traditional Medicine, medical staff and patients at Tue Tinh hospital from January to March 2024. Data research was processed using Microsoft Excel 2016 software, variables are expressed by quantity and percentages. A total of 219 subjects participated to interview of the research sample, including 137 (62.6%) students, 32 (14.6%) lecturers, 30 (13.7%), medical staff and 20 (9.1%) patients. Drug information about indications, contraindications, dosage, dosage adjustment was 69/137 students, 16/32 lecturers, 16/30 medical staff and patients answered 18/20 desired comments. receive. 75 (54.7%) students, 20 (62.5%) lecturers, 18 (60.0%) medical staff and 9 (45.0%) patients rated decongestion as valuable. The form of direct drug information that students (51.1%), lecturers (53.1%), medical staff (40.0%) and patients (80.0%) want to receive. Drug information expected to be answered immediately (< 30 minutes) is 115 (83.9%) students, 28 (87.5%) lecturers, 17 (85.0%) patients. Nearly 100% of respondents in 4 target groups were ready to send drug information questions.
KEYWORDS Drug information Interview method Designed questionnaires Vietnam university of traditional medicine (VUTM) Tue Tinh hospital	

NHU CẦU THÔNG TIN THUỐC TẠI HỌC VIỆN Y DƯỢC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM VÀ BỆNH VIỆN TUỆ TỈNH

Bùi Thị Hào^{1*}, Đặng Đình Cường²

¹Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam, ²Bệnh viện Tuệ Tĩnh

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 01/4/2024 Ngày hoàn thiện: 20/6/2024 Ngày đăng: 25/6/2024	Bằng phương pháp phỏng vấn theo bảng câu hỏi thiết kế với mục tiêu xác định nhu cầu thông tin thuốc của sinh viên, giảng viên tại Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam và nhân viên y tế, bệnh nhân tại bệnh viện Tuệ Tĩnh từ tháng 01 đến tháng 03 năm 2024. Số liệu được xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel 2016, các biến số được biểu diễn bằng số lượng và tỷ lệ phần trăm. Tổng số 219 đối tượng tham gia phỏng vấn của mẫu nghiên cứu trong đó 137 (62,6%) sinh viên, 32 (14,6%) giảng viên, 30 (13,7%), nhân viên y tế và 20 (9,1%) bệnh nhân. Thông tin thuốc về chỉ định, chống chỉ định, liều dùng, hiệu chỉnh liều dùng là 69/137 sinh viên, 16/32 giảng viên, 16/30 nhân viên y tế và bệnh nhân trả lời 18/20 ý kiến mong muốn nhận được. Có 75 (54,7%) sinh viên, 20 (62,5%) giảng viên, 18 (60,0%) nhân viên y tế và 9 (45,0%) bệnh nhân đánh giá thông thuốc là có giá trị. Hình thức thông tin thuốc trực tiếp có sinh viên (51,1%), giảng viên (53,1%), nhân viên y tế (40,0%) và bệnh nhân (80,0%) mong muốn nhận được. Thông tin thuốc mong muốn trả lời ngay (< 30 phút) là 115 (83,9%) sinh viên, 28 (87,5%) giảng viên, 17 (85,0%) bệnh nhân. Gần 100% ý kiến ở 4 nhóm đối tượng sẵn sàng gửi câu hỏi thông tin thuốc.
TỪ KHÓA Thông tin thuốc Phương pháp phỏng vấn Câu hỏi thiết kế Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam (VUTM) Bệnh viện Tuệ Tĩnh	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.10006>

* Corresponding author. Email: haohaobn@gmail.com

1. Đặt vấn đề

Thông tin thuốc là là việc thu thập, cung cấp các thông tin có liên quan đến thuốc bao gồm chỉ định, chống chỉ định, liều dùng, cách dùng, phản ứng có hại của thuốc và các thông tin khác liên quan đến chất lượng, an toàn, hiệu quả của thuốc do các cơ sở có trách nhiệm thông tin thuốc thực hiện nhằm đáp ứng yêu cầu thông tin của cơ quan quản lý nhà nước về dược, tổ chức, cá nhân đang trực tiếp hành nghề y, dược hoặc của người sử dụng thuốc [1]. Một bài báo tổng kết dựa trên hướng dẫn của Hiệp hội Dược sỹ Hoa Kỳ về vai trò của dược sỹ trong cung cấp thông tin thuốc. Trong báo cáo này chỉ ra một loạt hoạt động thông tin thuốc được thực hiện bởi dược sỹ tùy thuộc vào môi trường thực hành cụ thể [2]. Năm 2020, Chính phủ đã ban hành nghị định số 31/2020/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động dược lâm sàng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh càng khẳng định vai trò của công tác dược lâm sàng trong đó có quy định về tổ chức dược lâm sàng là thông tin, hướng dẫn sử dụng thuốc cho người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, người sử dụng thuốc và cộng đồng. Cập nhật thông tin của thuốc mới cho người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh về tên thuốc, thành phần, tác dụng dược lý, chỉ định, chống chỉ định, tương tác thuốc, liều dùng, cách dùng, hướng dẫn sử dụng thuốc trên các đối tượng bệnh nhân cần theo dõi đặc biệt, các thông tin liên quan đến cảnh báo, an toàn của thuốc và các thông tin cần thiết khác [3]. Một nghiên cứu trên 39 bệnh viện tại Hà Nội, Việt Nam bao gồm 22 bệnh viện tỉnh và 17 bệnh viện huyện. Tầm quan trọng của việc đào tạo dược sỹ lâm sàng và chăm sóc Dược tại Việt Nam từ năm 2012 được nhấn mạnh tại hội nghị Dược Châu Á năm 2023 tổ chức tại Hải Phòng, Việt Nam [4]. Kết quả nghiên cứu cho thấy thách thức chính được báo cáo là thiếu lực lượng lao động và dược sỹ lâm sàng. Đào tạo, giáo dục và mở rộng lực lượng lao động dược là cần thiết để cải thiện các dịch vụ dược lâm sàng [5]. Một nghiên cứu về nhu cầu thông tin thuốc tại khu vực phía nam cho thấy nhiệm vụ cần thiết của dược sỹ lâm sàng về thông tin thuốc và mức độ hài lòng của bệnh nhân [6]. Nghiên cứu thực hiện phỏng vấn dược sỹ cộng đồng ở Gondar, Ethiopia cho thấy hạn chế trong việc tiếp cận những nguồn thông tin mới đáng tin cậy để đáp ứng được nhu cầu thông tin thuốc khẩn cấp [7]. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam là một đơn vị đào tạo đa ngành như y học cổ truyền, y đa khoa và dược học. Bên cạnh đó, học viện còn có hai đơn vị lớn trực thuộc là Bệnh viện Tuệ Tĩnh và Viện nghiên cứu Y dược có liên quan đến công tác nghiên cứu, sản xuất thuốc và công tác khám chữa bệnh cho nhân dân. Do đó, nhu cầu tiếp cận những nguồn thông tin có giá trị, chính xác và phù hợp với cơ sở là điều rất cần thiết. Vì vậy, nghiên cứu khảo sát nhu cầu thông tin thuốc tại Học viện Y Dược cổ truyền Việt Nam và Bệnh viện Tuệ Tĩnh được thực hiện với mục tiêu xác định một số đặc điểm về nhu cầu thông tin thuốc của sinh viên, giảng viên của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam và nhân viên y tế, bệnh nhân tại bệnh viện Tuệ Tĩnh.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1. Thiết kế nghiên cứu và thời gian nghiên cứu

- Nghiên cứu được tiến hành theo phương pháp điều tra phỏng vấn dựa vào bộ câu hỏi được thiết kế cho sinh viên, giảng viên, nhân viên y tế, bệnh nhân.
- Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 01/2024 đến tháng 03/2024.

2.2. Đối tượng nghiên cứu

Tiêu chuẩn lựa chọn:

- Giảng viên, sinh viên đang làm việc và học tập tại Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam. Các nhân viên y tế (bác sĩ, dược sỹ, điều dưỡng) đang công tác tại Bệnh viện Tuệ Tĩnh. Bệnh nhân đang điều trị tại Bệnh viện Tuệ Tĩnh.

- Đồng ý tham gia trả lời câu hỏi

Tiêu chuẩn loại trừ:

- Đối tượng phỏng vấn không đồng ý tham gia trả lời câu hỏi.

- Bệnh nhân dưới 18 tuổi.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp điều tra phỏng vấn: nghiên cứu mô tả, dựa vào bộ câu hỏi được thiết kế sẵn, phỏng vấn trực tiếp hoặc trực tuyến.
- Phương pháp chọn mẫu: Tất cả các đối tượng đều phải đồng ý tham gia phỏng vấn.
- + Lấy mẫu thuận tiện với bệnh nhân điều trị tại bệnh viện Tuệ Tĩnh.
- + Với các đối tượng sinh viên, giảng viên, nhân viên y tế: để đảm bảo tính đại diện tiến hành phỏng vấn: Giảng viên của 3 khoa (khoa Dược, khoa y lâm sàng, khoa y cơ sở), nhân viên y tế (bác sĩ, điều dưỡng, dược sĩ, kỹ thuật viên), sinh viên (Dược, y đa khoa, y học cổ truyền)

2.4. Các biến số nghiên cứu

- Số lượng câu hỏi thu thập được
- Phân loại câu hỏi thông tin thuốc theo phạm trù nội dung của thông tin thuốc
- Các loại hình câu hỏi TTT được quan tâm
- + Nhu cầu nhận phản hồi từ đơn vị thông tin thuốc
- + Giá trị của thông tin thuốc mong muốn nhận được
- + Thời gian mong muốn được nhận phản hồi
- + Hình thức phản hồi mong muốn nhận được
- + Hình thức tài liệu tham khảo mong muốn nhận được

2.5. Phương pháp xử lý số liệu

Số liệu được mã hóa, nhập liệu và xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel 2016, thống kê mô tả các biến số phân hạng được biểu diễn bằng tỷ lệ %.

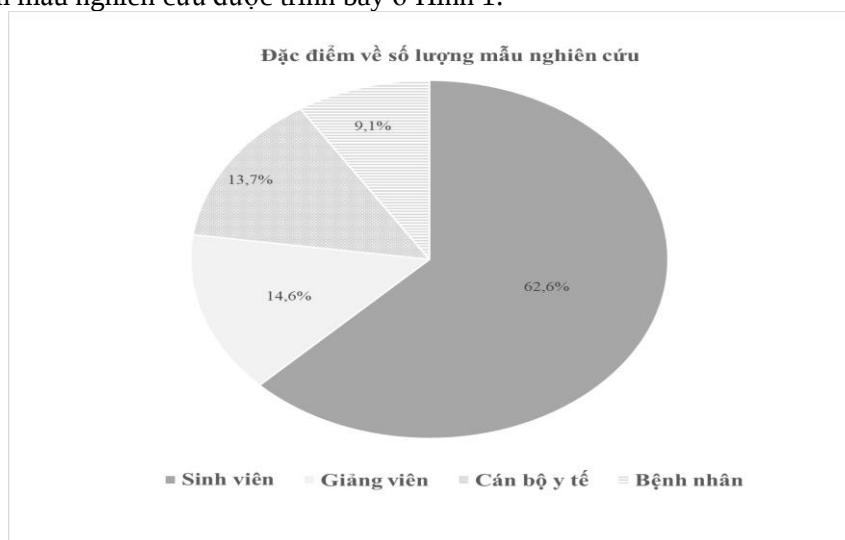
2.6. Đạo đức trong nghiên cứu

Mọi thông tin bệnh nhân được bảo mật cẩn thận, chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu. Khách quan, trung thực trong quá trình đánh giá, phân loại, thu thập, ghi chép và xử lý số liệu.

3. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

3.1. Đặc điểm về số lượng mẫu nghiên cứu

Đặc điểm mẫu nghiên cứu được trình bày ở Hình 1.



Hình 1. Đặc điểm số lượng mẫu nghiên cứu

Nhận xét: Tổng số mẫu nghiên cứu là 219 đối tượng tham gia phỏng vấn trong đó 137 (62,6%) sinh viên, 32 (14,6%) giảng viên, 30 (13,7%), nhân viên y tế và 20 (9,1%) bệnh nhân.

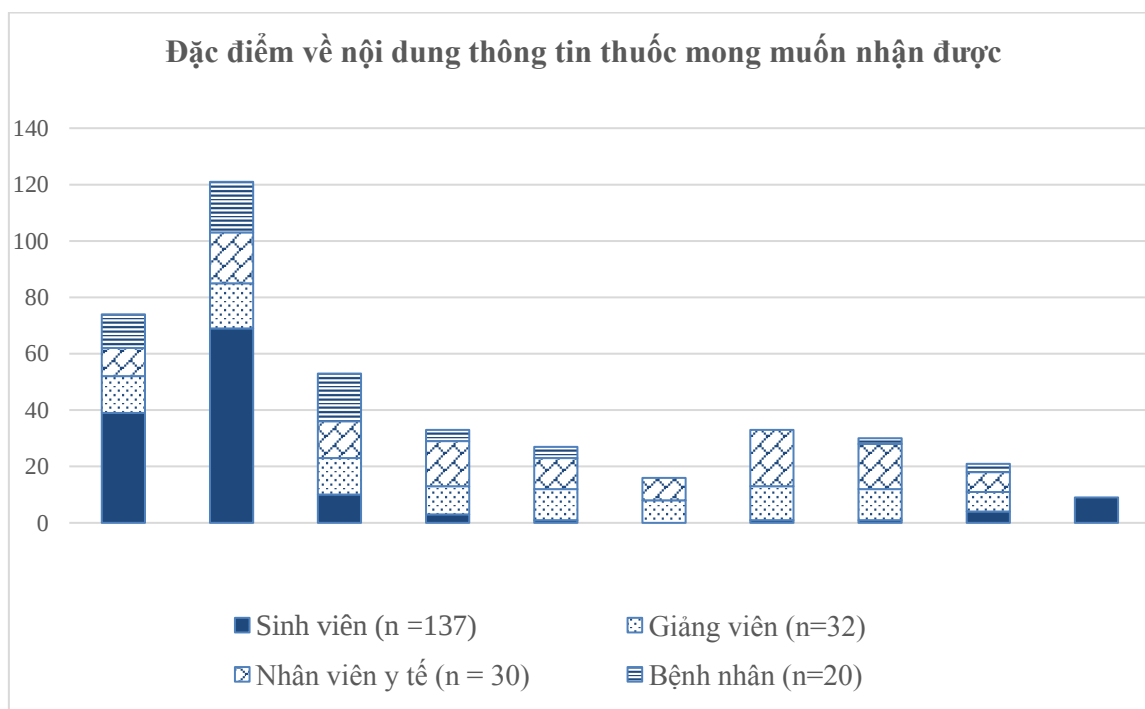
Đây cũng là nghiên cứu bước xác định nhu cầu thông tin thuốc của sinh viên, giảng viên của Học viện y dược học cổ truyền Việt Nam và nhân viên y tế, bệnh nhân tại bệnh viện Tuệ Tĩnh để có thể xác định được nhu cầu cần thiết về thông tin thuốc trong cơ sở đào tạo và cơ sở khám chữa bệnh.

Bảng 1. Đặc điểm về số lượng mẫu nghiên cứu theo ngành học

TT	Đối tượng	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
1	Sinh viên	137	62,6
	Sinh viên y đa khoa	50	36,5
	Sinh viên y học cổ truyền	54	39,4
	Sinh viên Dược	33	24,1
2	Giảng viên	32	14,6
	Khoa Dược	13	40,6
	Khoa Y lâm sàng	12	37,5
	Khoa Y học cơ sở	3	9,4
3		4	12,5
	Nhân viên y tế	30	13,7
4	Bệnh nhân	20	9,1
Tổng số		219	100,0

Nhận xét: Với tổng số 137 sinh viên có 50 (36,5%) sinh viên đa khoa, 54 (39,4%) sinh viên y học cổ truyền và 33 (24,1%) sinh viên Dược tham gia phỏng vấn. Các giảng viên của 4 khoa được phỏng vấn trong đó chủ yếu là giảng viên khoa Dược và khoa y lâm sàng.

3.2. Phân loại nội dung và giá trị câu hỏi thông tin thuốc mong muốn nhận được

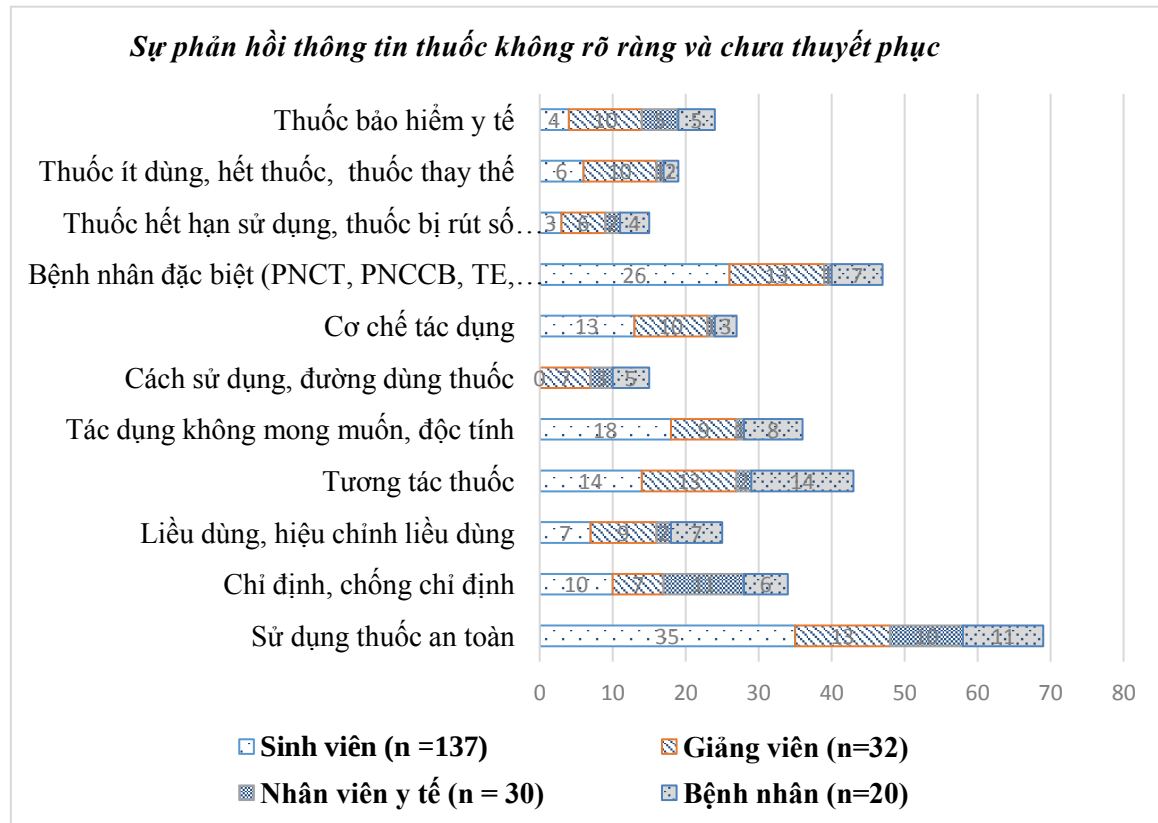


Hình 2. Đặc điểm về nội dung thông tin thuốc mong muốn nhận được

Nhận xét: Sinh viên mong muốn nhận được thông tin thuốc về chỉ định, chống chỉ định, liều dùng, hiệu chỉnh liều dùng là 69/137 câu trả lời, 16/32 câu trả lời của giảng viên, nhân viên y tế trả lời 16/30 ý kiến và bệnh nhân trả lời 18/20 ý kiến. Sử dụng thuốc an toàn là thông tin thuốc thứ hai mong muốn được phản hồi với kết quả sinh viên (39/137), giảng viên (13/32), nhân viên

y tế (13/30) và bệnh nhân (20/12). Bên cạnh đó, giảng viên và cán bộ y tế rất quan tâm đến tương tác thuốc và cách sử dụng, bảo quản thuốc.

Kết quả nhu cầu về nội dung thông tin thuốc của bệnh nhân trong nghiên cứu này cũng tương đồng với một số kết quả trong nghiên cứu của Bùi Sơn Nhật (2017) cho kết quả về nhu cầu cung cấp theo nội dung thông tin thuốc cho thấy trong 78 bệnh nhân có nhu cầu thông tin thuốc thì đa số bệnh nhân muốn cung cấp thông tin về tác dụng (89,87%), tự ý khi sử dụng (86,08%), tác dụng không mong muốn (84,81%) và 79,95% thông tin về hiệu chỉnh liều. các cán bộ y tế đều quan tâm đến cách dùng, liều dùng, tác dụng phụ và phản ứng có hại [8].



Hình 3. Đặc điểm về nội dung thông tin thuốc phản hồi không rõ ràng và chưa thuyết phục

Nhận xét: Kết quả phản hồi thông tin thuốc không rõ ràng và thiếu thuyết phục cho thấy thông tin thuốc về sử dụng thuốc an toàn có 35 sinh viên, 13 giảng viên, 10 nhân viên y tế và 11 bệnh nhân lựa chọn. Thứ hai, thông tin thuốc cho bệnh nhân đặc biệt có 26 sinh viên, 13 giảng viên, 7 bệnh nhân lựa chọn. Thứ ba là thông tin về thuốc về tương tác thuốc và tác dụng phụ hoặc độc tính.

Kết quả nội dung thông tin thuốc mong muốn nhận được trong nghiên cứu này cũng có sự tương đồng với nghiên cứu của tác giả Tôn Thị Thanh Thảo (2023) chỉ ra nội dung cần tư vấn nhiều nhất là cách sử dụng thuốc (84,54%), chỉ định (63,92%), tên thuốc và liều dùng lần lượt là 55,67% và 51,55% [6].

Bảng 2. Đặc điểm về giá trị thông tin thuốc mong muốn nhận được

TT	Giá trị thông tin thuốc	Sinh viên (n =137)	Giảng viên (n=32)	Nhân viên y tế (n = 30)	Bệnh nhân (n=20)
1	Thông tin có giá trị	75 (54,7)	20 (62,5)	18 (60,0)	9 (45,0)
2	Thông tin bình thường	58 (42,3)	11 (34,4)	12 (40,0)	11 (55,0)
3	Thông tin không có giá trị	4 (2,9)	1 (3,1)	0	0

Nhận xét: Kết quả cho thấy thông tin thuốc có giá trị là lựa chọn của 75 (54,7%) sinh viên, 20

(62,5%) giảng viên, 18 (60,0%) nhân viên y tế và 9 (45,0%) bệnh nhân.

3.3. Đặc điểm về hình thức và thời gian mong muốn nhận phản hồi thông tin thuốc

Bảng 3. Đặc điểm về hình thức phản hồi thông tin thuốc

TT	Đặc điểm	Sinh viên (n =137)	Giảng viên (n=32)	Nhân viên y tế (n = 30)	Bệnh nhân (n=20)
1	Trực tiếp	70 (51,1)	17 (53,1)	12 (40,0)	16 (80,0)
2	Điện thoại	15 (10,9)	5 (15,6)	9 (30,0)	9 (15,0)
3	Trả lời bằng văn bản	20 (14,6)	3 (9,4)	9 (30,0)	1 (5,0)
4	Trả lời thư điện tử	32 (23,4)	7 (21,9)	0	0

Nhận xét: Đối tượng trong mẫu nghiên cứu mong muốn nhận thông tin thuốc trực tiếp là sinh viên (51,1%), giảng viên (53,1%), nhân viên y tế (40,0%) và bệnh nhân (80,0%). Gọi điện và trả lời là cách thứ hai họ mong muốn nhận được thông tin nhưng nhân viên y tế và bệnh nhân lại không muốn nhận trả lời thư điện tử.

Bảng 4. Đặc điểm về hình thức tài liệu tham khảo thông tin thuốc mong muốn nhận được

TT	Giá trị thông tin thuốc	Sinh viên (n =137)	Giảng viên (n=32)	Nhân viên y tế (n = 30)	Bệnh nhân (n=20)
1	Toàn văn tài liệu	61 (44,5)	11 (34,4)	18 (60,0)	13 (65,0)
2	Bản tóm tắt	33 (24,1)	7 (21,9)	6 (20,0)	6 (30,0)
3	Đường dẫn đến tài liệu	43 (31,4)	14 (43,7)	6 (20,0)	1 (5,0)

Nhận xét: Có 61 (44,5%) sinh viên; 11 (34,4%) giảng viên; 18 (60,0%) nhân viên y tế; 13 (65,0%) mong muốn nhận được tài liệu tham khảo toàn văn. Đường dẫn liên kết đến tài liệu tham khảo là câu trả lời mà sinh viên mong muốn nhận được trong khi chỉ có 1 (5,0%) bệnh nhân lựa chọn.

Trong kết quả nghiên cứu của tác giả Bùi Sơn Nhật (2017) đã đưa ra nhiều hình thức trao đổi thông tin thuốc mong muốn nhận được của cán bộ y tế có thể qua bảng tin, giao ban, điện thoại, phần mềm, mạng trực tuyến, hội thảo khoa học, đào tạo ngắn hạn... [8]. Đối với Học viện y dược học cổ truyền Việt Nam và Bệnh viện Tuệ Tĩnh có thể triển khai thông tin thuốc theo các hình thức thông tin khác nhau như trên.

Bảng 5. Đặc điểm về thời gian mong muốn nhận phản hồi câu hỏi thông tin thuốc

TT	Đặc điểm	Sinh viên (n =137)	Giảng viên (n=32)	Nhân viên y tế (n = 30)	Bệnh nhân (n=20)
1	Trả lời ngay (< 30 phút)	115(83,9%)	28 (87,5%)	3 (10,0)	17 (85,0)
2	Trả lời < 1 tuần	12 (8,8%)	2 (6,3%)	15 (50,0)	1 (5,0%)
3	Trả lời < 1 tháng	5 (3,6%)	1 (3,1%)	12 (40,0)	1 (5,0%)
4	Không giới hạn thời gian	5 (3,6%)	1 (3,1%)	0	1 (5,0%)

Nhận xét: Đối tượng mong muốn được giải đáp nhiều nhất là các thông tin thuốc mong muốn trả lời ngay (< 30 phút) như 115 (83,9%) sinh viên, 28 (87,5%) giảng viên, 17 (85,0%) bệnh nhân trong khi có 15 (50,0%) nhân viên y tế mong muốn được phản hồi trong 1 tuần. Ngoài ra, không có nhân viên y tế nào lựa chọn không giới hạn về thời gian mong muốn nhận phản hồi thông tin thuốc.

Kết quả ở bảng 5 cho thấy thời gian nhận phản hồi thông tin thuốc chủ yếu là trả lời ngay 85,0%, còn nghiên cứu của Bùi Sơn Nhật là thời gian tư vấn hợp lý 5 – 10 phút chiếm tỷ lệ 31,65%, nhưng có 30,38% bệnh nhân chọn không giới hạn thời gian [8]. Trong nghiên cứu của tác giả Nguyễn Văn Sơn (2022), thời gian trung bình cần cập nhật thông tin thuốc là < 7 ngày (37,5%), thời gian mong muốn nhận phản hồi thông tin thuốc ngay lập tức (47,8%) [9].

Bảng 6. Đặc điểm về sự sẵn sàng gửi câu hỏi thông tin thuốc

TT	Đặc điểm	Sinh viên (n =137)	Giảng viên (n=32)	Nhân viên y tế (n = 30)	Bệnh nhân (n=20)
1	Sẵn sàng gửi câu hỏi thông tin thuốc	115 (83,9)	30 (93,8)	24 (80,0)	19 (95,0%)
2	Tự mình tra cứu	10 (7,3)	2 (6,3)	3 (10,0)	0
3	Chưa sẵn sàng	12 (8,8)	0	3 (10,0)	1 (5,0%)

Nhận xét: Gần 100% ý kiến ở 4 nhóm đối tượng cho biết sẵn sàng gửi câu hỏi thông tin thuốc. Không có bệnh nhân nào lựa chọn ý kiến muốn tự mình tra cứu thông tin thuốc và không có giảng viên nào lựa chọn chưa sẵn sàng gửi câu hỏi thông tin thuốc.

4. Kết luận và kiến nghị

4.1. Kết luận

Tổng số mẫu nghiên cứu là 219 đối tượng tham gia phỏng vấn trong đó 137 (62,6%) sinh viên, 32 (14,6%) giảng viên, 30 (13,7%), nhân viên y tế và 20 (9,1%) bệnh nhân.

Với nội dung thông tin thuốc mong muốn nhận được, thông tin thuốc về chỉ định, chống chỉ định, liều dùng, hiệu chỉnh liều dùng là 69/137 sinh viên, 16/32 giảng viên, 16/30 nhân viên y tế và bệnh nhân trả lời 18/20 ý kiến. Có 75 (54,7%) sinh viên, 20 (62,5%) giảng viên, 18 (60,0%) nhân viên y tế và 9 (45,0%) bệnh nhân đánh giá thông tin thuốc là có giá trị.

Về hình thức và thời gian mong muốn nhận phản hồi thông tin thuốc, hình thức trực tiếp có sinh viên (51,1%), giảng viên (53,1%), nhân viên y tế (40,0%) và bệnh nhân (80,0%) mong muốn. các thông tin thuốc mong muốn trả lời ngay (< 30 phút) như 115 (83,9%) sinh viên, 28 (87,5%) giảng viên, 17 (85,0%) bệnh nhân trong khi có 15 (50,0%) nhân viên y tế mong muốn được phản hồi trong 1 tuần.

Gần 100% ý kiến ở 4 nhóm đối tượng cho biết sẵn sàng gửi câu hỏi thông tin thuốc từ đơn vị thông tin thuốc. Không có bệnh nhân nào lựa chọn ý kiến muốn tự mình tra cứu thông tin thuốc và không có giảng viên nào lựa chọn chưa sẵn sàng gửi câu hỏi thông tin thuốc.

4.2. Kiến nghị

Từ kết quả nghiên cứu trên, đề tài có một số kiến nghị như sau:

- Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam có thể triển khai thông tin thuốc thường xuyên tới các đối tượng giảng viên, sinh viên bằng nhiều hình thức khác nhau.
- Bệnh viện Tuệ Tĩnh nên xây dựng quy trình thông tin thuốc cho các đối tượng khác nhau và cập nhật những thông tin thuốc mới cần thiết phục vụ cho cơ sở khám và điều trị cho bệnh nhân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] Vietnam Government, Decree No.54/2017/ND-CP dated May 08th, 2017 of the Government on detailing a number of articles of and providing measures for implementing the Pharmacy Law, 2017.
- [2] S. Ghaibi, H. Ipema, and M. Gabay, "ASHP Guidelines on the Pharmacist's Role in Providing Drug Information," *American Journal of Health- System pharmacy*, vol. 72, pp. 573-577, 2015.
- [3] Vietnam Government, Decree No.131/2020/ND-CP dated November 2rd, 2020 of the Government on Providing regulations on clinical pharmacy organization and activities of medical examination and treatment establishments, 2020.
- [4] V. H. Nguyen, N. T. Q. Mai, C. D. Tuan, P. T. Anh, T. T. Ngan, and N. T. T. Phuong, "Pharmacy and patient care: Evolution of its practice and education in Vietnam since 2012," *Research in Clinical Pharmacy*, vol. 1, no. 1, pp. 49-56, 2023.
- [5] H. T. Trinh, H. T. L. Nguyen, V. T. T. Pham, H. L. Ba, P. T. X. Dong, T. T. B. Cao, H. T. H. Nguyen, and J. A. Brien, "Hospital clinical pharmacy services in Vietnam," *Int J Clin Pharm*, vol. 40, no. 5, pp. 1144-1153, 2018.
- [6] T. T. T. Ton, "Survey on the need for consultation on drug usage and patient satisfaction after consultation at An Binh hospital," *Vietnam Journal of Science and Technology*, vol. 65 (3ĐB), pp. 69-72, 2023.
- [7] D. A. Gelayee, G. B. Mekonnen, and M. K. Birarra, "The Needs and Resources of Drug Information at Community Pharmacies in Gondar Town, Northwest Ethiopia," *BioMed Research International*, vol. 1, 2017, Art. no. 8310636.
- [8] N. S. Bui, "Survey of drug information needs at E hospital," Pharmacy Thesis, the University of Medicine and Pharmacy, Vietnam National University – Hanoi, 2017.
- [9] S. V. Nguyen (2022), Assessment of drug information needs and activities at Hong Ngu and Tan Hong district medical centers in Dong Thap province, Pharmacy Master Thesis, Tay Do University.